

Số: /TB-SNN-BVTV

Trà Vinh, ngày tháng năm 2023

## THÔNG BÁO

### Lịch xuống giống lúa vụ Thu Đông và Mùa 2023

Căn cứ Quyết định số 2366/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Báo cáo số 33/BC-SNN ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Tổng kết thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp nông thôn năm 2022 và triển khai kế hoạch năm 2023;

Theo Trung tâm Dự báo Khí tượng thủy văn quốc gia dự báo hiện tượng El Nino sẽ tiếp tục phát triển từ tháng 6/2023 cho tới hết năm 2023 và duy trì đến năm 2024 với xác suất khoảng 80-90% và theo Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam nguồn nước về Đồng bằng sông Cửu Long có chuyển biến bất lợi do ảnh hưởng của El Nino, nắng nóng dòng chảy phụ thuộc sự vận hành thủy điện trên lưu vực, mặn xâm nhập bất thường và có nguy cơ kéo dài.

Từ các cơ sở nêu trên, để đảm bảo sản xuất vụ Thu Đông, Mùa 2023 được an toàn, hạn chế thiệt hại do mặn, mưa bão và sâu bệnh hại gây bất lợi đến sản xuất; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành lịch xuống giống vụ Thu Đông và Mùa 2023, cụ thể như sau:

#### 1. Bố trí lịch thời vụ xuống giống

Kế hoạch diện tích xuống giống lúa vụ Thu Đông và Mùa 2023 là 69.400 ha. Trong đó: Vụ Thu Đông sau khi điều chỉnh là 68.258 ha; vụ Mùa là 1.142 ha, bao gồm: Càng Long 8.900 ha, Cầu Kè 7.348 ha, Tiểu Cần 10.200 ha, Châu Thành 14.640 ha, Trà Cú 14.332 ha, Cầu Ngang 11.120 ha, Duyên Hải 2.100 ha, thị xã Duyên Hải 110 ha và thành phố Trà Vinh 650 ha.

Bố trí khung thời vụ xuống giống lúa vụ Thu Đông và Mùa 2023 chung cho toàn tỉnh, như sau:

**a) Vụ Thu Đông:** Bắt đầu xuống giống từ ngày 01/8/2023 đến ngày 30/9/2023, tập trung vào 02 đợt chính như sau:

- **Đợt 01:** Xuống giống từ ngày 01/08 đến ngày 25/08/2023: Diện tích 14.023 ha, gồm các huyện: Càng Long 8.900 ha, Cầu Kè 1.000 ha, Tiểu Cần 600 ha, Châu Thành 700 ha và Cầu Ngang 2.823 ha;

- **Đợt 02:** Xuống giống từ ngày 01/09 đến ngày 30/09/2023: Diện tích 54.235 ha, gồm các huyện: Cầu Kè 6.348 ha, Tiểu Cần 9.600 ha, Châu Thành

13.500 ha, Trà Cú 13.750 ha, Cầu Ngang 8.177 ha, Duyên Hải 2.100 ha, Thị xã Duyên Hải 110 ha và TP. Trà Vinh 650 ha.

**b) Vụ Mùa 2023:** Tập trung gieo, cấy từ ngày 15/9/2023 đến ngày 15/10/2023 tại các huyện Châu Thành 440 ha, Cầu Ngang 120 ha, Trà Cú 582 ha.

**(Chi tiết có phụ lục đính kèm)**

Tùy điều kiện thực tế của các địa phương có thể bố trí lịch xuống giống cụ thể cho từng vùng phù hợp nhưng phải đảm bảo tập trung đồng loạt từng cánh đồng.

**2. Cơ cấu giống**

- Các giống lúa chất lượng cao chủ lực: OM 5451, OM 18, OM 4900.
- Các giống lúa bổ sung: Đài Thơm 8, OM 9517, OM 9921, OM 429, RVT, ST 5, ST 20, ST 24, ST 25.
- Các giống lúa chất lượng trung bình: IR 50404, ML 202, Siêu Hàm Trâu có thể duy trì với tỉ lệ không vượt quá 20% diện tích sản xuất của tỉnh.
- Các giống lúa mùa: Tài nguyên, một Bụi, lúa Sỏi.

Các địa phương cần lưu ý bố trí nhóm giống có cùng thời gian sinh trưởng để thuận lợi trong việc cung cấp, sử dụng nước tưới tiết kiệm và quản lý sâu bệnh trên diện rộng đạt hiệu quả.

**3. Các giải pháp**

- Thực hiện tốt công tác vệ sinh đồng ruộng trước khi xuống giống ít nhất 2 tuần, sử dụng nấm *Trichoderma* hoặc các chế phẩm sinh học để phân hủy rơm rạ nhằm hạn chế ngộ độc hữu cơ và cắt đứt nguồn bệnh.

- Tuyên truyền, vận động nông dân tuân thủ lịch thời vụ theo khuyến cáo; thực hiện việc xuống giống đồng loạt, tập trung né rầy theo từng vùng. Các địa phương chỉ đạo xuống giống cụ thể, tập trung cho từng ấp, khóm, xã, phường. Trong từng đợt xuống giống phải đảm bảo dứt điểm trên từng cánh đồng.

- Khuyến cáo sử dụng cấp giống xác nhận, giống có thời gian sinh trưởng phù hợp trên từng địa phương, những giống lúa có năng suất và chất lượng cao phù hợp với yêu cầu thị trường, cứng cây, chống đổ ngã, chống chịu sâu bệnh và hạn mặn tốt như: OM 18, OM 4900, OM 5451, Đài Thơm 8, ST 5, ST 20, ST 25... Vận động, tuyên truyền người dân áp dụng các biện pháp sạ hàng, sạ thưa, lượng giống sử dụng không vượt 120 kg/ha.

- Có chế độ dinh dưỡng phân bón cân đối và hợp lý: Sau khi gieo sạ, khuyến cáo nông dân thường xuyên thăm đồng, bón phân thúc sớm, bón cân đối NPK tạo điều kiện lúa đẻ nhánh tốt, tăng chồi hữu hiệu; tăng cường bón phân bón hữu cơ, hữu cơ vi sinh, sử dụng phân bón có chứa canxi như vôi bột, lân nung chảy, silic; ưu tiên sử dụng các loại phân bón có nguồn gốc sinh học, bổ sung các loại phân bón cung cấp qua lá để tăng sức chống chịu cho cây lúa.

- Quản lý tốt nguồn nước: Các địa phương tiếp tục tổ chức vớt vật cản như

lục bình, cỏ dại,... trên các tuyến kênh, rạch để khai thông dòng chảy, chuẩn bị tốt việc triển khai nạo vét các trục kênh chính, sửa chữa các công, bọng, điều tiết nước phục vụ tốt cho sản xuất.

- Giám sát dịch bệnh: Tiếp tục hướng dẫn nông dân áp dụng biện pháp IPM. Chú ý các đối tượng gây hại chính có thể xuất hiện như bệnh đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông; các bệnh do khuẩn (cháy bìa lá, sọc trong, thối thân); nhện gié; chuột; đặc biệt là tăng cường công tác dự tính dự báo về diễn biến tình hình rầy nâu để hướng dẫn người dân phòng trị kịp thời. Thường xuyên theo dõi các đối tượng gây hại để chủ động phát hiện và phòng trị tốt ngay từ đầu vụ, không để cây lúa mất sức sẽ kéo dài thời gian sinh trưởng.

#### **4. Tổ chức thực hiện**

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì phối hợp Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thông tin hướng dẫn và khuyến cáo người dân tuân thủ thực hiện đúng lịch xuống giống lúa vụ Thu Đông và Mùa 2023; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện ở các địa phương; kết quả báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Công ty TNHH một thành viên Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh: Căn cứ vào lịch xuống giống có kế hoạch phối hợp cụ thể với các địa phương trong vận hành các công trình thủy lợi điều tiết nước hợp lý phục vụ tốt việc làm đất, xuống giống.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố: Chỉ đạo phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, phòng Kinh tế thị xã và thành phố, Trung tâm kỹ thuật dịch vụ Nông nghiệp các huyện: Càng Long, Châu Thành, Tiểu Cần, Cầu Kè, Trà Cú, Cầu Ngang, Duyên Hải và UBND các xã, phường, thị trấn thông báo và hướng dẫn nông dân thực hiện tốt lịch thời vụ, tổ chức xuống giống đồng loạt trên diện rộng, cụ thể trên từng cánh đồng, đảm bảo sản xuất đạt thắng lợi theo kế hoạch đề ra./.

#### **Nơi nhận :**

- UBND tỉnh (b/c);
- PCT.UBND tỉnh Nguyễn Trung Hoàng (b/c);
- GD; các PGD Sở;
- Chi cục: Trồng trọt và BVTV; Thủy lợi;
- Công ty TNHH MTV QLKT CTTL;
- Trung tâm Khuyến nông;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện;
- Phòng Kinh tế thị xã, thành phố;
- TT Kỹ thuật DVNN các huyện;
- Lưu: VT, BVTV.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Văn Đông**

**Phụ lục: Thông báo lịch xuống giống vụ Thu Đông, Mùa 2023**  
(Kèm theo Thông báo số /TB-SNN-BVTV ngày tháng 8 năm 2023  
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

*Đơn vị tính: ha*

| STT              | Huyện/thị xã/thành phố | Kế hoạch Diện tích xuống giống | Thu Đông                                 |  | Mùa                            |
|------------------|------------------------|--------------------------------|--|--|--------------------------------|
|                  |                        |                                | Đợt 01 xuống giống từ ngày 01/08 - 25/08 | Đợt 02 xuống giống từ ngày 01/09 - 30/09 | Xuống giống từ ngày 15/9-15/10 |
| 1                | Càng Long              | 8.900                          | 8.900                                    | -  | -                              |
| 2                | Câu Kè                 | 7.348                          | 1.000                                    | 6.348                                    | -                              |
| 3                | Tiểu Cần               | 10.200                         | 600                                      | 9.600                                    | -                              |
| 4                | Châu Thành             | 14.640                         | 700                                      | 13.500                                   | 440                            |
| 5                | Trà Cú                 | 14.332                         | -  | 13.750                                   | 582                            |
| 6                | Cầu Ngang              | 11.120                         | 2.823                                    | 8.177                                    | 120                            |
| 7                | Duyên Hải              | 2.100                          | -  | 2.100                                    | -                              |
| 8                | TX.Duyên Hải           | 110                            | -  | 110                                      | -                              |
| 9                | TP. Trà Vinh           | 650                            | -  | 650                                      | -                              |
| <b>Tổng cộng</b> |                        | <b>69.400</b>                  | <b>14.023</b>                            | <b>54.235</b>                            | <b>1.142</b>                   |

